|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG BÌNH**Số: 1820 /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Bình, ngày 04 tháng 6 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành Bộ tiêu chí “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định chỉ tiêu đối với các nội dung, tiêu chí Trung ương giao cho tỉnh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Công văn số 33/VPĐP ngày 23/4/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2020 (Sau đây gọi là Bộ tiêu chí nâng cao).

Bộ tiêu chí này là căn cứ để tập trung chỉ đạo, hỗ trợ xây dựng các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã phấn đấu đạt nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trở thành “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao”.

Bộ tiêu chí nâng cao chỉ xác định những chỉ tiêu mới hoặc có mức yêu cầu cao hơn, không lặp lại các tiêu chí và chỉ tiêu đang áp dụng hiện hành. Các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ngoài việc đạt được các tiêu chí, chỉ tiêu theo Bộ tiêu chí này, còn phải đảm bảo duy trì đạt các tiêu chí và chỉ tiêu khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Bộ tiêu chí nâng cao sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và tình hình thực tế ở địa phương trong từng giai đoạn.

**Điều 2.** GiaoSở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, tham mưu UBND tỉnh tăng cường bố trí các nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn huy động khác cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo đúng mục tiêu quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 4;- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; - Thường trực HĐND tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- Ủy ban MTTQVN tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Văn phòng Điều phối TW (b/c);- Các TV BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh;- Văn phòng ĐPNTM tỉnh;- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;- Lưu: VT, CVKT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Đã ký****Lê Minh Ngân**  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TIÊU CHÍ**  “**XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO” GIAI ĐOẠN 2018 – 2020** **TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1820 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)* |  |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** | **Chỉ tiêu**  |
| 1 | **Quy hoạch** | 1.1. Quy hoạch xây dựng xã được rà soát, điều chỉnh 5 năm/lần theo quy định của Luật xây dựng | Đạt |
| 1.2. Có 100% cụm dân cư của xã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt | Đạt |
| 1.3. Có quy chế quản lý quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch được duyệt. | Đạt |
| 2 | **Giao thông** | 2.1. Tất cả các điểm giao nhau của các đường giao thông từ đường trục thôn trở lên phải có biển báo giao thông. | Đạt |
| 2.2. Tỷ lệ Đường trục thôn, xóm được bê tông hóa và nhựa hóa đạt chuẩn. | ≥80% |
| 2.3. Tỷ lệ Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện quanh năm | ≥75% |
| 2.4. Tỷ lệ đường trục xã, trục thôn và đường ngõ, xóm có nhà ở liền kề có hệ thống đèn chiếu sáng. | ≥ |
| 3 | **Thủy lợi** | Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp (chủ yếu là cây lúa) được tưới và tiêu nước chủ động | ≥90% |
| 4 | **Cơ sở vật chất văn hóa** | 4.1.Trung tâm văn hóa thể thao xã và 100% số Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn (bản) được trang bị một số dụng cụ, trang thiết bị cơ bản phục vụ sinh hoạt của nhân dân, người cao tuổi và trẻ em; điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em. | Đạt |
| 4.2. Trung tâm văn hóa thể thao xã và 100% số Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn (bản) được khai thác, sử dụng có hiệu quả, thường xuyên được chỉnh trang, tu sửa đảm bảo bền vững, xanh, sạch, đẹp. | Đạt |
| 5 | **Phát triển sản xuất** | 5.1. Có sản phẩm tham gia đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của tỉnh. | Có ít nhất 1 sản phẩm |
| 5.2. Có các mô hình PTSX: Vườn mẫu, cánh đồng mẫu, SRI, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao hữu cơ và có liên kết tham gia chuỗi giá trị | Có ít nhất 03 mô hình |
| 5.3. Tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất đối với cây trồng, vật nuôi chính. |  |
| 6 | **Hộ nghèo** | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 |  |
| 7 | **Thu nhập** | Thu nhập bình quân đầu người cao gấp 1,2 lần trở lên so với mức quy định xã đạt chuẩn trong năm xét công nhận | Đạt |
| 8 | **Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên** | Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.  |  |
| 9 | **Giáo dục** | 9.1 Tỷ lệ lao động qua đào tạo. |  |
| 9.2 Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3.  | Đạt |
| 9.3. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề |  |
| 9.4. Số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú tại địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và cung cấp thông tin để PTSX, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp. | 100% |
| 10 | **Y tế**  | 10.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế |  |
| 10.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) |  |
| 10.3. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; thực hiện kiểm soát được các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người | Đạt |
| 11 | **Văn Hóa** | 11.1. Tỷ lệ thôn (bản) đạt và vượt chuẩn văn hóa theo quy định  |  |
| 11.2. Thôn (xóm, bản) có câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên, thu hút số lượng lớn người dân tham gia | Đạt |
| 11.3. Các di sản văn hóa (vật thể, phi vật thể) truyền thống được quản lý, bảo vệ giữ gìn và phát huy. | Đạt |
| 11.4. Xây dựng và thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp, trong việc cưới, việc tang, lễ hội và các hoạt động khác của cộng đồng. | Đạt |
| 12 | **Môi trường**  | 12.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo nước sạch cho 100% số hộ dân  | Đạt |
| 12.2. Các tuyến kênh mương luôn được nạo vét, đảm bảo sạch sẽ, thông thoáng, không ách tắc; các tuyến đường giao thông nông thôn được vệ sinh sạch sẽ có cây xanh, đường hoa, luôn giữ cảnh quan, không gian nông thôn – xanh – sạch – đẹp | Đạt |
| 12.3. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu | Đạt |
| 12.4. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh. 100% trở lên lương rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định.  | Đạt |
| 12.5. Có 100% Hộ gia đình tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, trong đó có 85% hộ đạt 3 sạch. | Đạt |
| 13 | **An ninh trật tự** | Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả. | Đạt |
| 14 | **Hành chính công** | 14.1. Có áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:20015 vào hoạt động quản lý tại UBND xã. | Đạt |
| 14.2. Xã có đài truyền thanh hữu tuyến hoặc vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh và có 100% số thôn, bản trong xã có hệ thống loa hoạt động. | Đạt |
| 14.3. Xã có sử dụng các phần mềm ứng dụng: hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống một cửa điện tử trong công tác quản lý, hoạt động của UBND xã | Đạt |
| 14.4. UBND xã có trang thông tin điện tử, thường xuyên cập nhật thông tin, công khai các hoạt động và các thủ tục hành chính của xã. | Đạt |
| 14.5. Có quy chế dân chủ được triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát cộng đồng có chương trình, kế hoạch hoạt động, phát huy tính hiệu quả. | Đạt |
| 14.6. Tất cả các thôn, bản có hương ước, quy ước; hương ước, quy ước được xây dựng đúng trình tự, thủ tục và không có nội dung trái pháp luật  | Đạt |
| 14.7. Xã có tổ tư vấn về pháp luật, chính sách cho người dân. Người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thực hiện tốt quy ước, hương ước cộng đồng. | Đạt |
|  |  |  |

**GIẢI TRÌNH GÓP Ý CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO**

Đến nay đã có 22/33 thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh tham gia góp ý; kết quả cụ thể như sau:

- Về sự cần thiết ban hành văn bản: 22/22 thành viên nhất trí.

- Về bố cục, kỹ thuật trình bày văn bản: 22/22 thành viên nhất trí.

- Về Nội dung:

+ Có 18/22 thành viên đồng ý với nội dung bản dự thảo.

+ Có 4/22 thành viên tham gia góp ý, cụ thể như sau:

* **Sở Xây dựng:** Đề nghị bổ sung tiêu chí Quy hoạch gồm 3 nội dung:
	1. Quy hoạch chung xây dựng xã được rà soát, điều chỉnh 5 năm/lần theo quy định của Luật xây dựng.
	2. Có 100% cụm dân cư của xã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt.
	3. Có quy chế quản lý quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

*Đã tiếp thu ý kiến và thêm tiêu chí Quy hoạch vào bản dự thảo Quyết định.*

* **Sở Tài chính**: Đề nghị bỏ Căn cứ công văn 1345 của Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu và chỉnh sửa.
* **Hội phụ nữ:** Đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu 11.5 thành “Có 100% Hộ gia đình tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, trong đó có hộ đạt 3 sạch.

*Đã tiếp thu ý kiến và thêm tiêu chí Quy hoạch vào bản dự thảo Quyết định.*

* **Huyện Lệ Thủy:** Đề nghị chỉnh sửa một số nội dung:
* Tiêu chí giao thông: tại mục 1.2. ở cột chỉ tiêu: Tỷ lệ “80%” điều chỉnh thành “; tại mục 1.3 ở cột chỉ tiêu: Tỷ lệ “75%” điều chỉnh thành “. Tại mục 1.4 cột nội dung đề ngị viết lại “ Tỷ lệ đường trục xã, trục thôn và đường ngõ, xóm có nhà ở liền kề có hệ thống đèn chiếu sáng”. *(Đã tiếp thu chỉnh sữa)*
* Tại mục 1.4 đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu từ lên thành *.* *Không tiếp thu chỉnh sửa vì Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã lấy ý kiến lần 1 Sở Công thương đã đề nghị điều chỉnh từ 80% về 70%.*
* Tiêu chí Hộ nghèo: Ở cột tỷ lệ đề nghị điều chỉnh . Không tiếp thu vì quy định của Trung ương là .
* Tiêu chí Môi trường: Đề nghị điều chỉnh “đảm bảo nước sạch cho 100% số hộ dân” đề nghị điều chỉnh “đảm bảo nước sạch cho ≥ 85% số hộ dân, nước hợp vệ sinh 100% hộ dân. *Không tiếp thu vì quy định Trung ương là đam bảo nước sạch cho 100% hộ dân.*
* Tại mục 11.4 : “70% trở lên lượng rác thải sinh hoạt…” đề nghị điều chỉnh “100% lượng rác thải sinh hoạt”*. Đã tiếp thu chỉnh sửa.*